

TÀI LIỆU KỸ THUẬT MÔ TẢ CHUNG LOẠI TRANG THIẾT BỊ Y TẾ NHẬP KHẨU

STT	Đề mục	Nội dung mô tả tóm tắt
1	Mô tả chung loại trang thiết bị y tế	
1.1	Tủ ấm (Incubator) Model: 1. Hettcube 200 2. Hettcube 200R 3. Hettcube 400 4. Hettcube 400R 5. Hettcube 600 6. Hettcube 600R	<u>Đặc điểm thiết bị</u> <ul style="list-style-type: none">• Màn hình cảm ứng 4.3 inch• Hiển thị chân thực, rõ nét• Hiển thị thời gian thực tế• Có chức năng hẹn giờ• Khóa 12/24 giờ• Ngôn ngữ lựa chọn: Anh, Đức, Pháp và Tây Ban Nha• Lập trình hàng tuần với chức năng nghỉ lễ• Chức năng nhật ký: (Mở cửa, cảnh báo và thời gian hoạt động)• Sơ đồ nhiệt độ theo 3 mức thu phóng(Lưu trong vòng 4 tuần)• Độ chính xác nhiệt độ cài đặt: 0.1 độ C• Khóa PIN• Màn hình lựa chọn nhiệt độ 3.1 đáp ứng cho các tủ ấm thường• Màn hình lựa chọn nhiệt độ 3.2 đáp ứng cho tủ ấm lạnh• Nhật ký mất điện• 9 chương trình chức năng (Bắt đầu/ dừng, giai đoạn, hẹn thời gian bắt đầu, hẹn giờ ở mức nhiệt độ hoạt động...)• Bảng điều khiển và cửa khóa đồng thời• Kết nối USB.• Lòng máy bằng thép không gỉ chất lượng cao (W-St 1.4301(ASTM 304)• 9 điểm đo nhiệt độ theo tiêu chuẩn: DIN 12880:2007-05 <p><i>Thông số kỹ thuật Model Hettcube 200;</i></p>



	<p><u>Hettcube 200R :</u></p> <ul style="list-style-type: none">• Kích thước ngoài (không tính ống thoát hơi và cánh cửa) (W x D x H) mm: 710 x825 x970mm• Kích thước trong (W x D x H) mm:• 535 x690x420mm• Thể tích trong (lít): 150• Thể tích thực dụng: 82 lít• % thể tích thực dụng: 54%• Diện tích chân đế theo m2: 0.6• Khối lượng tính theo kg: 92 kg• Số lượng khay cung cấp: 2 (1 khay tiêu chuẩn + 1HTS)• Độ biến thiên nhiệt độ tại + 37° C: ± 0.1K• Độ đồng nhất nhiệt độ tại + 37° C: ± 0.2K• Độ đồng nhất nhiệt độ tại + 25° C : ± 0.1K• Thời gian phục hồi nhiệt độ sau khi mở cửa 30 giây ở nhiệt độ 37 độ C: ≤ 3 phút• Mức tiêu thụ điện ở nhiệt độ 37 độ C: 0.038 kWh• Độ ồn: ≤ 41(dB) /≤ 44dB)• Nguồn điện: 220-240V150-60Hz
	<p><u>Thông số kỹ thuật Model Hettcube 400:</u></p> <p><u>Hettcube 400R :</u></p> <ul style="list-style-type: none">• Kích thước ngoài (không tính ống thoát hơi và cánh cửa) (W x D x H) mm: 710 x825 x1425mm• Kích thước trong (W x D x H) mm:• 535 x690x850mm• Thể tích trong (lít): 310• Thể tích thực dụng: 199 lít• % thể tích thực dụng: 64%• Diện tích chân đế theo m2: 0.6• Khối lượng tính theo kg: 177 128 kg• Số lượng khay cung cấp: 3 (2 khay tiêu chuẩn + 1HTS)• Độ biến thiên nhiệt độ tại + 37° C: ± 0.1K• Độ đồng nhất nhiệt độ tại + 37° C: ± 0.2K

		<ul style="list-style-type: none"> • Độ đồng nhất nhiệt độ tại + 25° C: ± 0.1K • Thời gian phục hồi nhiệt độ sau khi mở cửa 30 giây ở nhiệt độ 37 độ C: ≤ 4,5 phút • Mức tiêu thụ điện ở nhiệt độ 37 độ C: 0.046 kWh • Độ ồn: ≤ 41dB ≤ 44dB) • Nguồn điện: 220-240V150-60Hz
		<p><u>Thông số kỹ thuật Model Hettcube 600:</u></p> <p><u>Hettcube 600R :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Kích thước ngoài (không tính ống thoát hơi và cánh cửa) (W x D x H) mm: 710 x825 x1990mm • Kích thước trong (W x D x H) mm: • 535 x690x1415mm • Thể tích trong (lít): 520 • Thể tích thực dụng: 351 lít • % thể tích thực dụng: 67% • Diện tích chân đế theo m2: 0.6 • Khối lượng tính theo kg: 164kg • Số lượng khay cung cấp: 4 (3 khay tiêu chuẩn + 1HTS) • Độ biến thiên nhiệt độ tại + 37° C: ± 0.1K • Độ đồng nhất nhiệt độ tại + 37° C: ± 0.2K • Độ đồng nhất nhiệt độ tại + 25° C: ± 0.1K • Thời gian phục hồi nhiệt độ sau khi mở cửa 30 giây ở nhiệt độ 37 độ C: ≤ 5,5 phút • Mức tiêu thụ điện ở nhiệt độ 37 độ C: 0.056 kWh • Độ ồn: ≤ 41(dB) /≤ 44dB) • Nguồn điện: 220-240V150-60Hz
1.2	Danh mục linh kiện và phụ kiện (kể cả hóa chất đi kèm)	Không có
1.3	Mục đích/Chi định sử dụng như ghi trên nhóm	<p><i>Ứng dụng trong các lĩnh vực</i></p> <p>+ Trong công nghiệp thực phẩm và đồ uống: Kiểm soát chất lượng vi sinh.</p> <p>+ Trong y tế: Chuẩn đoán và điều trị</p> <p>+ Công nghệ: Kiểm thử vật liệu</p>



		+ Công nghệ sinh học và các ngành công nghiệp dược phẩm.
1.4	Hướng dẫn sử dụng	+ Cài đặt nhiệt độ mong muốn trong dải hoạt động của thiết bị từ nhiệt độ môi trường 1k đến 60°C
1.5	Chống chỉ định	Thiết bị được chế tạo theo các quy định hiện đại và an toàn được công nhận. Nếu được sử dụng và xử lý không đúng cách, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng cho người dùng hoặc bên thứ ba hoặc thiết bị có thể bị hỏng hoặc ở đó có thể là thiệt hại tài sản khác. Thiết bị chỉ được sử dụng cho mục đích đã định và chỉ khi thiết bị an toàn điều kiện làm việc. Những xáo trộn có thể can thiệp vào sự an toàn sẽ được khắc phục ngay lập tức.
1.6	Cảnh báo và thận trọng	Trước khi vận hành tủ âm , các hướng dẫn vận hành phải được đọc và quan sát. Chỉ những người đã đọc và hiểu hướng dẫn vận hành mới có thể vận hành thiết bị. Cùng với hướng dẫn vận hành và các quy định pháp luật về phòng ngừa tai nạn, bạn cũng nên tuân theo quy định chuyên môn được công nhận để làm việc một cách an toàn và chuyên nghiệp. Những hướng dẫn vận hành nên được đọc cùng với bất kỳ hướng dẫn nào khác liên quan đến phòng ngừa tai nạn và môi trường bảo vệ dựa trên các quy định quốc gia của quốc gia nơi thiết bị sẽ được sử dụng.
1.7	Tác dụng bất lợi có thể xảy ra	Không có
2	Thông tin sản phẩm đã lưu hành tại các nước (nếu có)	
3	Chỉ định đã đăng ký ở các nước khác (nếu có)	
4	Thông tin về tính an toàn/vận hành đáng lưu ý của sản phẩm trang thiết bị y tế	

CÔNG TY TNHH

KONNERTEC VIỆT NAM

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

SONG CHIN YEW